

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khóa XX nhiệm kỳ 2020 - 2025

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2346/UBND-KTTH ngày 25/5/2023 và theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 970/SKHĐT-TH ngày 25/5/2023 về việc báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khóa XX nhiệm kỳ 2020 - 2025; Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, cụ thể như sau:

I. Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao:

1. Về tổ chức bộ máy, biên chế

a. Sắp xếp cơ cấu tổ chức của các sở, ban, ngành

Trên cơ sở quy định của Trung ương¹, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5222/UBND-NC ngày 27/10/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Kết quả sắp xếp giảm **04** Chi cục², **25** phòng chuyên môn thuộc sở và **26** phòng chuyên môn thuộc chi cục và tương đương; đồng thời, UBND tỉnh phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính đối với 35/35 cơ quan, tổ chức, địa phương; kịp thời ban hành lại Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 18 sở, ban, ngành³ theo Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương

Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 02/2/2021 về việc phê duyệt số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo bình quân không quá 03 người/cơ quan (*phê duyệt 57 người/19 cơ quan*).

b. Sắp xếp cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố

¹ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

² Chi cục Biển và Hải đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

Chi cục Văn thư lưu trữ thuộc Sở Nội vụ

Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ

Chi cục Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng

³ Các Sở, ban, ngành: Tư pháp; Giáo dục và Đào tạo; Giao thông vận tải; Khoa học & công nghệ; Nội vụ; Lao động TB&XH; Văn hóa, Thể thao & Du lịch; Tài nguyên và môi trường; Công Thương; Ngoại vụ; **Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc; Văn Phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Xây dựng**

UBND tỉnh ban hành Công văn số 5223/UBND-NC ngày 27/10/2020 và Công văn số 6279/UBND-NC ngày 16/12/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ. Đến nay, về cơ bản các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo các điều kiện, tiêu chí theo quy định Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; kịp thời ban hành lại Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, ban theo Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

c. Sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập

Trước khi Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương ban hành; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2025; đến thời điểm đầu năm 2018, đã giảm được 17 đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo lộ trình theo Đề án đã phê duyệt, bước đầu mang lại hiệu quả nhất định.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2018 để tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh. Tính đến thời điểm 31/12/2022, kết quả thực hiện đã sắp xếp tổ chức giảm thêm 176 đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó: Lĩnh vực y tế giảm 21 đơn vị (*không tính giảm 10 trạm y tế xã*); lĩnh vực giáo dục - đào tạo giảm 79 đơn vị; lĩnh vực giáo dục - nghề nghiệp giảm 10 đơn vị; lĩnh vực Nông nghiệp giảm 33 đơn vị; lĩnh vực văn hóa giảm 10 đơn vị; lĩnh vực khoa học giảm 01 đơn vị; lĩnh vực tài nguyên và môi trường và sự nghiệp khác giảm 21 đơn vị; lĩnh vực thông tin - truyền thông giảm 01 đơn vị.

Như vậy, thực hiện Kế hoạch 126 của Tỉnh ủy, Kế hoạch 82 của UBND tỉnh và các quy định có liên quan (*mục tiêu đến năm 2021 giảm tối thiểu 10% đơn vị và đến năm 2025 giảm tối thiểu 20% so với số lượng năm 2015*); UBND tỉnh đã thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo mục tiêu, lộ trình theo kế hoạch. Năm 2015, tổng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 878 đơn vị (*chưa kể 183 trạm y tế xã*), đến thời điểm 31/12/2022 còn 685 đơn vị (*chưa kể 173 trạm y tế xã*), giảm 193 đơn vị, đạt tỷ lệ 21,98% so với tổng số đơn vị sự nghiệp năm 2015, vượt kế hoạch đến năm 2025.

d. Kết quả tinh giản biên chế

Việc thực hiện tinh giản biên chế, cắt giảm biên chế trên địa bàn tỉnh luôn được thực hiện kịp thời, đảm bảo kế hoạch đề ra. Trong đó:

- Biên chế công chức:

Số được giao năm 2015 là 2.183 biên chế; số được giao năm 2022 là 1.962 biên chế; giảm 221 biên chế, tương ứng giảm 10,12% so với năm 2015 (*2.183 người được giao năm 2015, trong đó không bao gồm 55 biên chế của Sở*

Công Thương chuyển về Bộ Công Thương quản lý, chuyển 225 biên chế sang khối Đảng quản lý, 05 biên chế bổ sung cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và 05 biên chế bổ sung cho UBND huyện Lý Sơn), **đạt** mục tiêu theo yêu cầu của Đảng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Thực hiện các chủ trương, quy định của Đảng, kế hoạch giao biên chế công chức khỏi Nhà nước giai đoạn 2022 – 2026 tiếp tục giảm 5% biên chế theo quy định; tương ứng đến năm 2026 biên chế công chức của tỉnh còn **1.864** biên chế, giảm **98** biên chế so với năm 2022 (*bình quân mỗi năm giảm 1,25%, tương ứng 24,5 biên chế*).

- Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (*biên chế sự nghiệp*):

Số được giao năm 2015 là 26.129 người (*đã bao gồm 824 biên chế bổ sung cho tỉnh Quảng Ngãi năm 2020 để chuyển số nhân viên y tế hợp đồng tại các trạm y tế cấp xã chuyển thành viên chức*); số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các ĐVSNCN năm 2021 đã được Bộ Nội vụ là 23.288 người, giảm 2.841 người so với năm 2015, tương ứng giảm 10,87%, **đạt** mục tiêu theo yêu cầu của Đảng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Thực hiện các chủ trương, quy định của Đảng, kế hoạch giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước giai đoạn 2022 – 2026 tiếp tục giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2022; theo đó, đến năm 2026 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước của tỉnh là **20.959** biên chế (*chưa kể 286 biên chế sự nghiệp giáo dục bổ sung năm học 2022 – 2023*), giảm **2.329** biên chế so với năm 2022. Bình quân mỗi năm giảm 2,5%, tương ứng gần **466** biên chế.

2. Tình hình và kết quả thực hiện cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (nhiệm vụ trọng tâm):

Công tác cải cách hành chính được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xác định, quán triệt ngay từ đầu nhiệm kỳ và nhất quán chỉ đạo xuyên suốt trong giai đoạn hiện nay đến toàn thể các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, trong đó có nhiệm vụ trọng tâm là cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, ban hành nhiều văn bản⁴ nhằm cụ thể hóa, triển khai thực hiện, trong đó quy định những công

⁴ Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC; nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2022, **Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Ngãi năm 2023**; Quyết

việc cụ thể giao cho các ngành, địa phương cần phải triển khai thực hiện theo lộ trình đề ra và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc. Từ đó, các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức phổ biến, quán triệt cho công chức, viên chức và ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) cụ thể, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm của ngành, địa phương mình để làm cơ sở thực hiện. Đồng thời, thành lập Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; định kỳ họp Ban Chỉ đạo để tập trung chỉ đạo công tác CCHC, kịp thời giải quyết, tháo gỡ các nội dung còn vướng mắc, phát sinh; thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ, đôn đốc các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

Với sự quyết tâm, chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả của Lãnh đạo Tỉnh, cùng với sự triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, có trách nhiệm của thủ trưởng các sở ngành, địa phương nên tỉnh Quảng Ngãi về cơ bản đã khắc phục được những yếu kém lâu nay trong CCHC. Tất cả các lĩnh vực: cải cách thể chế; thủ tục hành chính; tổ chức, bộ máy; cải cách chế độ công vụ; tài chính công; chính quyền điện tử, chính quyền số đều có sự thay đổi tích cực. Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) bước đầu được cải thiện và tăng hạng; Chỉ số PAR INDEX⁵ năm 2022 xếp hạng 27/63 tỉnh, tăng 12 bậc so với năm 2021; Chỉ số PAPI⁶ năm 2022 xếp hạng 23/63 tỉnh, tăng 20 bậc so với năm 2021.

3. Tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (nhiệm vụ đột phá)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, trong đó có nhiệm vụ đột phá là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, Tỉnh ủy ban hành Kết luận 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, khóa XX về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ và Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/6/2022 về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã,

định số 93/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát động và triển khai phong trào thi đua “Đẩy mạnh CCHC tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025”; Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh giai đoạn 2022-2025 của tỉnh; Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022, Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023.

⁵ Chỉ số PAR INDEX: Năm 2020 xếp hạng 63/63 tỉnh thành; năm 2021 xếp hạng 39/63, tăng 24 bậc so với năm 2020; năm 2022 xếp hạng 27/63, tăng 12 bậc so với năm 2021.

⁶ Chỉ số PAPI: Năm 2020 xếp hạng 60/63 tỉnh thành; năm 2021 xếp hạng 43/63, tăng 17 bậc so với năm 2020; năm 2022 xếp hạng 23/63, tăng 20 bậc so với năm 2021.

phường, thị trấn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch để triển khai, thực hiện, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp nhằm từng bước thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra⁷.

Nhìn chung, được sự quan tâm Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh về công tác phát triển nguồn nhân lực, các sở, ban ngành, đơn vị và địa phương đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản triển khai thực hiện, qua đó tạo sự đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện; giúp cho đội ngũ cán bộ các cấp đã trưởng thành và phát triển về nhiều mặt. Công tác cán bộ đã bám sát các quan điểm, nguyên tắc của Đảng, ngày càng đi vào nền nếp, đạt được những kết quả quan trọng. Công tác kỷ cương, kỷ luật được tăng cường; triển khai xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm; tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu kiến thức, kỹ năng cho từng vị trí việc làm được xác định rõ ràng, cụ thể, góp phần quan trọng vào việc từng bước chuẩn hóa, cơ cấu lại và nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chất lượng giáo dục và đào tạo ở các cấp học không ngừng được nâng lên; đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo tiếp tục được chuẩn hóa. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được tổ chức thường xuyên, đảm bảo phù với tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm; công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm ngày càng được xã hội quan tâm. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

a. UBND tỉnh tổ chức tuyển dụng được 502 công chức, viên chức⁸; trong đó, theo chính sách thu hút tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ: 02 công chức, 01 viên chức; bố trí công tác cho 03 học viên đi học ngoài nước theo Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo. Tổ chức xong kỳ thi rà soát khắc phục về công tác tuyển dụng theo Kết luận 71/KL-TW

⁷ Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022- 2025; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh trong năm học 2021-2022; Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt tiêu chí xác định đối tượng, nguyên tắc chọn cử giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ ở các lĩnh vực tinh cần ưu tiên thu hút giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 02/8/2022 về truyền thông về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 phê duyệt Kế hoạch Khuyến nông tỉnh năm 2022; Kế hoạch Hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, sản lượng dê sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch Cải tiến nâng cao tầm vóc đàn trâu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025 (tại các Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 và Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 13/6/2022), Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chi thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh trong năm học 2022-2023; Kế hoạch số 972/KH-UBND ngày 31/8/2022 về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

⁸ 38 công chức, 464 viên chức.

của Bộ Chính trị (lần 2). Đồng thời, trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ, UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi.

Đối với cán bộ, công chức xã: các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện tuyển dụng và bổ nhiệm 1 công chức⁹, tiếp nhận không qua thi tuyển 19 cán bộ cấp xã đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn thành công chức cấp xã theo quy định¹⁰; tính đến ngày 30/3/2023, đã thực hiện tiếp nhận 8/12 đội viên Đề án 500 trí thức trẻ thuộc tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025 vào công chức cấp huyện, cấp xã (trong đó: 02 trường hợp được tiếp nhận vào công chức cấp huyện khối Nhà nước; 01 đội viên được tiếp nhận vào công chức cấp huyện thuộc khối Đảng; 05 đội viên được tiếp nhận vào công chức cấp xã¹¹).

Ngoài ra, Sở Nội vụ thẩm định kết quả tuyển dụng 1.463 giáo viên cho UBND các huyện, thị xã, thành phố theo quy định (*năm 2021: 759 giáo viên, năm 2022: 704 giáo viên*); trong đó đã tuyển dụng được 01 giáo viên theo chính sách thu hút.

b. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý được luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c. Sở Nội vụ tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định cử 89 công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học (*04 Tiến sĩ, 31 Thạc sĩ, 06 Chuyên khoa II, 48 Chuyên khoa I*), cử 59 công chức, viên chức đi bồi dưỡng trong và ngoài nước; tổ chức được 104 lớp bồi dưỡng cho 9.191 lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động cho 68 báo cáo viên, 326 đại biểu HĐND cấp huyện và 3.647 đại biểu HĐND cấp xã.

d. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương đều triển khai thực hiện Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND đến con em dân tộc thiểu số, các đối tượng học sinh đang học trung học phổ thông trên địa bàn; theo đó, từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ và chi hỗ trợ kinh phí học tập cho sinh viên đại học là 972.912.526 đồng.

đ. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 về việc phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ y tế luôn được quan tâm. Sở Y tế đã cử nhiều lượt cán bộ đào tạo chuyên sâu

⁹ Công chức Chi huy trưởng BCH quân sự xã Sơn Cao, huyện Sơn Hà.

¹⁰ Sơn Tịnh: 1; Mộ Đức: 7; Nghĩa Hành: 3; Thị xã Đức Phổ: 3; Thành phố: 1; Sơn Tây: 1; Bình Sơn: 1; Trà Bồng: 2.

¹¹ 02 công chức cấp huyện khối Nhà nước: Nguyễn Đình Nghĩa, chuyên viên Phòng VHHT huyện Ba Tơ; Đinh Văn Nghiệp, chuyên viên Phòng Tư pháp huyện Minh Long.

01 công chức cấp huyện thuộc khối Đảng: Bùi Thị Nhi, chuyên viên Hội LHPN huyện Mộ Đức;

05 công chức cấp xã: Bùi Đức Tường, công chức ĐCXĐ xã Đức Lân, Võ Thành Nhất, công chức VPTK xã Đức Hiệp, Huỳnh Đức Hiệu, công chức ĐCXĐ xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức; Nguyễn Đức Tự, công chức VHXH xã Ba Tô, huyện Ba Tơ; Phạm Thị Tiên, công chức VHXH phường Phổ Hòa, thị xã Đức Phổ.

về các lĩnh vực: ngoại khoa, gây mê hồi sức, hồi sức sau mổ, tim mạch can thiệp, điều trị vô sinh, hiếm muộn;... Hiện tại, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi đã thực hiện thành thạo nhiều kỹ thuật cao, như: kỹ thuật can thiệp tim mạch, can thiệp mạch não điều trị đột quỵ; Tán sỏi thận qua da; Nội soi mật - tụy ngược dòng; Nội soi phế quản; phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày; phẫu thuật thay khớp (khớp háng, khớp gối)...; bước đầu triển khai điều trị vô sinh tại Bệnh viện Sản - Nhi.

e. Về đào tạo nghề: Tổng số lao động nông thôn được học nghề nông nghiệp trên toàn tỉnh, tốt nghiệp học nghề thường xuyên được cơ sở đào tạo cấp chứng nghề 2017 - 2019 là 1.321 người. Tổ chức 06 lớp bồi dưỡng, tập huấn về nông nghiệp, nông thôn cho lao động nông thôn (194 học viên) và 03 hội nghị, hội thảo cấp tỉnh với hơn 170 đại biểu tham dự.

Thời gian qua, việc sử dụng ngân sách để hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện theo đúng quy định. Đối với quy định sử dụng ngân sách để hỗ trợ đào tạo nghề trình độ cao đẳng và trung cấp: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 06/12/2022 về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi lĩnh vực sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đang tham mưu UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định hiện hành.

f. UBND tỉnh đã triển khai thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đảm bảo lộ trình. Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phải thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn cả lộ trình là 894 giáo viên (39 giáo viên mầm non, 446 giáo viên tiểu học, 409 giáo viên trung học cơ sở).

g. UBND tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phổ cập kỹ năng số và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, kết quả: Đã tổ chức các hội thảo, hội nghị về chuyển đổi số, triển khai phát động phong trào về chuyển đổi số với 14.000 cán bộ, giáo viên; tổ chức nhiều đợt tập huấn về chuyển đổi số cho hơn 58.100 lượt người tham gia và 06 lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số (421 người).

h. Về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các văn bản quy định của Trung ương¹² về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; chất lượng cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao.

¹² Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Tính đến thời điểm 01/3/2023, toàn tỉnh có 23.086 cán bộ, công chức, viên chức (có 16.201 cán bộ, công chức, viên chức là nữ). Trình độ chuyên môn và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp cụ thể như sau:

Về số lượng: Trong Khối hành chính - sự nghiệp của tỉnh hiện có là 23.086 người; trong đó ngạch và chức danh nghề nghiệp: chuyên viên cao cấp (hạng I) và tương đương 34 người, chiếm 0,15%; chuyên viên chính (hạng II) và tương đương 5.574 người, chiếm 24,14%; chuyên viên (hạng III) và tương đương 11.476 người, chiếm 49,71%; cán sự (hạng IV) và tương đương và ngạch nhân viên: 6.002 người, chiếm 26,00%.

Về chất lượng:

Về trình độ chuyên môn: Tiên sĩ 35, chiếm 0,15%; chuyên khoa II là 23 chiếm 0,1%; thạc sĩ 1.416, chiếm 6,13%; chuyên khoa I là 228, chiếm 0,99%; đại học 15.870, chiếm 68,74%; cao đẳng 3.874, chiếm 16,78%; trung cấp 1.612, chiếm 6,98%; sơ cấp 28, chiếm 0,12%.

Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 24, chiếm 0,1%; cao cấp 784, chiếm 3,4%; trung cấp 3.165, chiếm 13,71%; sơ cấp 6.552, chiếm 28,38%.

Về trình độ Tin học: Trung cấp trở lên 1.139, chiếm 4,93%; chứng chỉ 20.314, chiếm 87,99%.

Về trình độ ngoại ngữ Anh văn, ngoại ngữ khác: Đại học trở lên 1.227, chiếm 5,31%; chứng chỉ 19.712, chiếm 85,39%.

Số cán bộ, công chức, viên chức đã học lớp quản lý nhà nước chương trình: Chuyên viên cao cấp và tương đương 45, chiếm 0,19%; chuyên viên chính và tương đương 1.062, chiếm 4,60%; chuyên viên và tương đương 1.712, chiếm 7,42%.

II. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

1. Về tổ chức bộ máy, biên chế

- Về công tác tổ chức bộ máy: Hầu hết các Bộ, ngành Trung ương vẫn chưa ban hành tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền (hiện chỉ có 02 lĩnh vực được ban hành: Tư pháp và công thương); chưa trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu** thuộc ngành, lĩnh vực (hiện chỉ có 04 lĩnh vực được ban hành: Nội vụ, tư pháp, văn hóa, giao thông vận tải) theo quy định Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ **nên việc triển khai tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập còn gặp khó khăn, vướng mắc.**

- Vị trí việc làm, biên chế: Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh được xây dựng trên cơ sở căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và vận dụng danh mục vị trí việc làm theo Quyết định số 2035/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, chưa có các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan theo quy định Nghị định số 62/2020/NĐ-CP nên nội dung Đề án vị trí việc làm mang tính chất tạm thời. Đối với vị trí việc làm trong

đơn vị sự nghiệp công lập, đến nay chỉ có 04 Bộ, ngành Trung ương¹³ đã ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với từng ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý. Do đó, tình chưa triển khai xây dựng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Về nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

- Số đối tượng được hưởng chế độ, chính sách hỗ trợ cho bác sĩ được chọn, cử đi bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn và quản lý bệnh viện trong nước và ở nước ngoài còn rất ít (trong năm 2021 - 2022, chỉ cử được 07 bác sĩ đi bồi dưỡng chuyên sâu).

- Địa phương chưa có sự phối hợp đồng bộ, nhất là các địa phương vùng sâu, vùng xa, miền núi; công tác tuyên truyền, tư vấn cho lao động nông thôn tham gia học nghề còn hạn chế.

- Định mức hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho lao động nông thôn theo quy định còn thấp, rất nhiều nghề không đủ chi phí đào tạo, nhất là các nghề có thời gian đào tạo từ 6 tháng đến dưới 01 năm.

- Kết quả thu hút sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ còn thấp.

3. Nguyên nhân

- Hiện nay, hầu hết các bộ, ngành Trung ương chưa ban hành các văn bản hướng dẫn trong công tác tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, ... nên địa phương chưa có cơ sở, lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đối tượng để cử đi bồi dưỡng chỉ là các bác sĩ được đào tạo chính quy tại các Trường Đại học Y có uy tín hoặc bác sĩ đã được đào tạo sau đại học; trong khi, để thực hiện được một kỹ thuật cần phải có đủ ê kíp (bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên,...); yêu cầu chỉ cử đi bồi dưỡng những kỹ thuật, lĩnh vực chuyên sâu nên không có nhiều trường hợp đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện; tâm lý của đa số bác sĩ chỉ muốn được đi đào tạo sau đại học để nâng cao bằng cấp (thạc sĩ, chuyên khoa I, II) hơn là đi bồi dưỡng các kỹ thuật riêng lẻ.

- Người dân chưa nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của đào tạo nghề; một số cấp uỷ, chính quyền chưa có biện pháp chỉ đạo tích cực trong

¹³- Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng **Bộ Nội vụ** hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng **Bộ Giao thông vận tải** hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải

- Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng **Bộ Y tế** hướng dẫn về vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

- Thông tư số 07/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng **Bộ Công Thương** hướng dẫn vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực công thương.

việc khảo sát nhu cầu học nghề, chưa gắn chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn với sự chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế của địa phương.

- Tiêu chuẩn, điều kiện thu hút sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140 của Chính phủ còn khá cao, gây khó khăn trong việc thu hút nhân tài cho tỉnh.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Về tổ chức bộ máy, biên chế

- Tiếp tục phổ biến, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động về sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng và thực hiện Đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế trong giai đoạn đến.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong các sở, ban, ngành để làm cơ sở thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình quy định đến năm 2026; rà soát, sắp xếp cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện theo Kế hoạch số 135-KH/TU ngày 14/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Thông báo số 16-TB/TW ngày 07/7/2022 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII và **Kế hoạch số 202-KH/TU ngày 24/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.**

- Tiếp tục sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh trên cơ sở quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu phát triển của tỉnh; sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đảm bảo tinh gọn, phù hợp theo Nghị định số **120/2020/NĐ-CP** ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời chủ động xây dựng, đề xuất phương án tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp công lập của các bộ, ngành thuộc lĩnh vực quản lý chuyển về tỉnh và thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Tham mưu triển khai xây dựng, phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Về cải cách hành chính

- **Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, cải cách TTHC; hiện đại hóa nền hành chính và cải cách tài chính công. Tăng cường tính liên thông trong cải cách TTHC. Mức độ hiệu quả của giải quyết TTHC cần phải được tính trên cơ sở sự hài lòng của người dân, tổ chức, thời gian, kết quả TTHC được giải quyết.**

Hiện đại hóa nền hành chính gắn với xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số tiến tới xây dựng xã hội số, nền kinh tế số. Xây dựng giải pháp đồng bộ để hình thành đội ngũ cán bộ, công chức điện tử và công dân, doanh nghiệp điện tử. Hiện đại hóa nền hành chính cần phải kết hợp cơ sở hạ tầng kỹ

thuật của hệ thống hành chính và hạ tầng kỹ thuật của các doanh nghiệp đang được người dân và tổ chức sử dụng mang tính rộng rãi, phổ biến hiện có như mạng xã hội Zalo, Ví điện tử...

Cải cách tài chính công gắn với mục tiêu nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính; sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL, phù hợp với thực tiễn; tăng cường kiểm soát bảo đảm kỷ luật, kỷ cương về thu, chi ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế, chính sách quản lý ngân sách theo hướng giảm dần việc quản lý ngân sách theo định mức đầu vào, hướng tới xây dựng và quản lý ngân sách, tài chính công theo đầu ra; sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển, tạo ra động lực cho phát triển, tránh sự đầu tư dàn trải, đầu tư kém hiệu quả, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức, coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về CCHC. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, của cơ quan chủ trì tham mưu trong công tác điều phối chung, tổng hợp, đôn đốc và theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC trên từng lĩnh vực.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện công tác CCHC; Tăng cường, phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác CCHC. Nâng cao năng lực của đội ngũ công chức làm công tác CCHC; bố trí đủ nguồn lực tài chính cho CCHC.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/6/2022 của Tỉnh ủy và Kế hoạch 972 của UBND tỉnh; theo đó các cơ quan, đơn vị bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, các kế hoạch đã ban hành theo từng nội dung, lĩnh vực để tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu Nghị quyết 09 đã đề ra, trong đó chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở.

- Xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công. Tăng cường đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động.

- Triển khai đào tạo, đào tạo lại trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện đào tạo, đào tạo lại cho người lao động bị thất nghiệp; hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động các ngành, nghề đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn xã hội về học nghề, chú trọng công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp thanh niên nông thôn gắn với giải quyết có hiệu quả việc làm sau khi đào tạo. Tiếp tục đổi mới

nội dung chương trình, phương pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đề án, chiến lược ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới và điều kiện của người học nghề.

- Điều tra, khảo sát và xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp theo nhu cầu. Thực hiện rà soát, bổ sung danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn, bảo đảm các nghề nông nghiệp phải phù hợp với thực tế của địa phương, các nghề nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, đào tạo nghề gắn với hỗ trợ nông dân liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tổ chức thí điểm các mô hình đào tạo nghề nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để nhân rộng.

- Ban hành các định mức cho các nghề mới/nghề ưu tiên như nghề giám đốc hợp tác xã; kỹ năng quản lý, marketing, phương án sản xuất kinh doanh cho các chủ cơ sở sản xuất nông nghiệp.

- Chú trọng khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tham gia đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn; tăng cường năng lực và huy động cán bộ kỹ thuật, nông dân sản xuất giỏi, nghệ nhân, thợ giỏi tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn và coi đây là những lực lượng nòng cốt trong công tác dạy nghề tại địa phương.

- Tập trung chỉ đạo công tác tuyển sinh, hướng dẫn địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với ngành giáo dục triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”. Tiếp tục thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh; dự kiến đến ngày 31/12/2025 bảo đảm đạt 100% số lượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức ngành y tế.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện **nhiệm vụ giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khóa XX nhiệm kỳ 2020 - 2025**; Sở Nội vụ báo cáo./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP.

Tạ Công Dũng